TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh L, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số:163/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26/5/2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2025.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1994; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã T, huyện T, nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** và anh **Nguyễn Tiến T1** tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2018 tại **Ủy ban nhân dân xã T**, **huyện T, tỉnh Hà Tĩnh**, nay là **UBND xã T**,

tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu, sau khi anh **T1** đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do anh **T1** không quan tâm, chăm lo vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng đã ly thân được 3 năm nay. Ngày 30/4/2024, anh **T1** có về Việt Nam làm thủ tục ly hôn nhưng anh **T1** chưa nộp lên thì hết thời hạn. Hiện tại, chị **T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và không mong muốn duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa nên chị **T** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh **T1** được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Tiến Gia B**, sinh ngày 14/9/2018, hiện cháu đang sinh sống cùng chị **T**. Nay ly hôn, nguyện vọng của chị **T** là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu **B** và yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 thửa đất ở có diện tích là 288,6m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 29, tại **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh** có tại Giấy CNQSD đất số CU556186, do **UBND huyện T**, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05/02/2020, mang tên **Nguyễn Tiến T1** và **Nguyễn Thị Thanh T**. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết chia khối tài sản chung này theo quy định pháp luật để chị có đất ở nuôi con.

Kết quả thẩm định, định giá ngày 24/6/2025: Thửa đất tranh chấp có hình thể khá vuông vức, có ranh giới bằng các cọc petong và hàng rào thép gai, có tổng diện tích là 288,6m2. Vị trí, tứ cận thửa đất có tại bản đồ đo vẽ kèm theo. Trên đất không có công trình gì, chỉ có một số cây tạp không có giá trị.

Đơn giá đất ở: 800.000 đồng/m^2 x 288,6m^2= 277.056.000 đồng.

Ngày 26/9/2025, chị Nguyễn Thị Thanh T2 có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tiến T1 do đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị T không nắm rõ địa chỉ cụ thể của anh T1. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T1, nhưng gia đình anh T1 cũng không nắm rõ được địa chỉ của anh T1 ở Nhật Bản. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện thủ tục đăng tin trên Đ Việt Nam theo quy định để thông báo cho anh T1 biết các thông tin về vụ án cũng như thời gian làm việc. Song, đến nay, anh T1 vẫn không có mặt để làm việc, trình bày quan điểm của mình tại Tòa án.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền, trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ. Bị đơn cố

tình che giấu địa chỉ là không thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 70 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 157, 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể:

- Về tình cảm: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** được ly hôn anh **Nguyễn Tiến T1**.

- Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Tiến Gia B**, sinh ngày 14/9/2018 cho chị **Nguyễn Thị Thanh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh **Nguyễn Tiến T1** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi, được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất có diện tích là 288,6m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 29, tại **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh** có tại Giấy CNQSD đất số CU556186, do **UBND huyện T**, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05/02/2020, mang tên **Nguyễn Tiến T1** và **Nguyễn Thị Thanh T**

- Về án phí và chi phí tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chịu chi phí thẩm định định giá tài sản; anh **Nguyễn Tiến T1** phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết vấn đề nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; anh Nguyễn Tiến T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Nguyễn Tiến T1 đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, có xác nhận của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H Công văn số 1277/QLXNC-Đ1 ngày 17/9/2025 nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc, nên chị T yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử. Đối với anh Nguyễn Tiến T1, chị T đã cung cấp đúng, đầy đủ nơi ĐKNKTT của anh T1 trước khi xuất cảnh nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T1, nhưng gia đình anh T1 không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1. HĐXX xác định đây thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/ NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Tiến T1 theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** và anh **Nguyễn Tiến T1** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, từ khi anh **T1** đi xuất khẩu lao động nước ngoài, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm lẫn nhau, cuộc sống khó khăn, tình cảm phai nhạt dần. Vợ chồng đã ly thân 03 năm nay. Trước đó, vào năm 2024, anh **T1** cũng đã có ý định làm thủ tục ly hôn, song chưa có thời gian thực hiện. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **T** và anh **T1** đã hết sức trầm trọng, việc duy trì hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** là không có ý nghĩa, nên HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị **Nguyễn Thị Thanh T** được ly hôn anh **Nguyễn Tiến T1** theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 123 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét thấy, từ khi anh **T1** đi xuất khẩu lao động đến nay, cháu **Nguyễn Tiến Gia B** ở với chị **T**, được nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, cháu **B** cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Hơn nữa, anh **T1** hiện đang ở nước ngoài. Để đảm bảo điều kiện sinh sống, ăn học ổn định của cháu **B**, HĐXX xét thấy cần thiết giao con chung cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Ban đầu, tại bản tự khai đề ngày 26/5/2025 và đơn đề nghị chia tài sản đề ngày 23/6/2025, chị **Nguyễn Thị Thanh T** yêu cầu chia tài sản chung là 01 thửa đất ở có diện tích là 288,6m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 29, tại **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh** có tại Giấy CNQSD đất số CU556186, do **UBND huyện T**, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05/02/2020, mang tên **Nguyễn Tiến T1** và **Nguyễn Thị Thanh T**. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá thửa đất theo quy định. Nhưng đến ngày 26/9/2025, chị **T** đã có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị **T** là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị **Nguyễn Thị Thanh T**.

[3] *Về án phí và chi phí tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật. Về chi phí thẩm định, định giá, chị T đã nộp đủ. Anh Nguyễn Tiến T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 157, 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 227, 228, 238, BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Tiến T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Gia B, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Tiến T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi, được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất có diện tích là 288,6m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 29, tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh có tại Giấy CNQSD đất số CU556186, do UBND huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05/02/2020, mang tên Nguyễn Tiến T1 và Nguyễn Thị Thanh T.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng tính trừ cho chị T trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000004544929, ngày 26/05/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Tiến T1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Thành Sen;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu